KHÁI NIỆM TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỚI NHỮNG HỆ LỤY CỦA SỰ "DỄ TÍNH" TRONG KHOA HỌC

*Phạm Văn Tỉnh**

Tội phạm học Việt Nam đã có một sự khởi đầu rất "dễ tính" trong việc sử dụng thuật ngữ tiếng Việt để chuyển tải một thuật ngữ nước ngoài. Và hệ lụy hiện nay là có đến ít nhất ba cụm từ tiếng Việt khác nhau: tình hình tội phạm (THTP), tình trạng phạm tội, tình trạng tội phạm (đang hiện hành trong ba giáo trình Tội phạm học của ba cơ sở đào tạo đại học khác nhau ở Việt Nam) để biểu đạt một khái niệm mà ở tiếng Đức được viết là "Kriminalitaet", còn ở tiếng Nga thì được viết là "Преступность". Điều này ít nhiều gây rắc rối cho những người mới làm quen với tội phạm học. Vì thế, bài viết này xin đề cập đến hai khía cạnh cần thiết để gỡ rối.

1. Gốc tích của những từ đồng nghĩa khác âm hay tình trạng bất nhất trong việc dùng từ tiếng Việt đã diễn ra như thế nào?

Năm 1975, khi người Nga dịch cuốn "Sozialistische Kriminologie" (tiếng Đức) sang tiếng Nga đã dùng từ "Преступность" để chuyển ngữ cho khái niệm "Kriminalitaet" của tiếng Đức. Điều này hoàn toàn chính xác về mặt ngôn ngữ và nguyên tắc sử dụng thuật ngữ, tức là phải tư duy bằng khái niệm. Và năm 1982, tác giả Võ Đăng lại dịch từ "Преступность" của tiếng Nga thành "Tình hình tội phạm" của tiếng Việt. Điều này cũng hoàn toàn chính xác cả về nội dung và cả về mặt từ vựng. Thế nhưng, rất tiếc, cũng năm đó, năm 1982, cùng trong cuốn sách "Những vấn đề lý luận về Luật Hình sự, Tố tụng Hình sự và Tội phạm học" do Viện Thông tin Khoa học Xã hội thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam ấn hành và cùng dùng phương pháp lược thuật, một tác giả khác có cách tiếp cận khá dễ dãi trong việc dùng từ. Khi lược thuật cuốn "Tính nhân quả trong tội phạm học" của Kudrjavcev V.N, ban đầu, tác giả vừa dùng thuật ngữ "Tình trạng phạm tội" vừa dùng "Tình trạng tội phạm" và rồi khi kết luận lại dùng "Tình hình tội phạm" để chuyển ngữ khái niệm duy nhất của tiếng Nga là "Преступность"[1].

Thật đáng tiếc vì sự "dễ tính" này, nhưng vấn đề cũng không có gì đáng ngại, nếu người dịch hay người viết đã thực thi được yêu cầu tư duy bằng khái niệm. Hơn nữa, trong trường hợp đang nói ở đây, lại có thể chấp nhận được, bởi đó chỉ là một bài lược thuật, một loại hình chuyển ngữ mà cho đến nay ít ai dám làm trong lĩnh vực khoa học này[2].

---

* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

[1] Những vấn đề lý luận về Luật Hình sự, Tố tụng Hình sự và Tội phạm học, Hà Nội 1982, tr. 166-186.

[2] Còn đối với giáo trình, sự "dễ tính" hay nói đúng hơn là sự thiếu chính xác trong việc sử dụng thuật ngữ thì thật không nên. Thực tế đáng tiếc đó đã xảy ra ngay từ cuốn giáo trình Tội phạm học đầu tiên ở nước ta. PTS. Đỗ Ngọc Quang (ngày đó) đã ghi công trong lịch sử phát triển tội phạm học Việt Nam bằng "Giáo trình Tội phạm học đại cương" năm 1993 với nhiều thông tin quý giá về tình hình tội phạm ở Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991. Thế nhưng, cũng chính trong cuốn giáo trình này, các thuật ngữ tội phạm học quan trọng nhất đã được tác giả sử dụng rất "thoải mái": ứng với khái niệm "Преступность", tác giả đã sử dụng cụm từ "tình trạng phạm tội" và định nghĩa "Tình trạng phạm tội là tình hình tội phạm..." ở trang 55. Còn tại trang 59, tác giả lại viết: "Tình trạng phạm tội là số liệu tổng hợp các loại tội phạm...". Và liền sau đoạn đó là "Số liệu về tình hình phạm tội"... Về sự thiếu chính xác này, cả về nghĩa tiếng Việt và tiếng Nga đã được đề cập chi tiết trong cuốn "Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt nam", Nxb. Tư pháp, năm 2007, song đã bị người biên tập cắt bỏ. Vì thế, nó lại được trình bày trong bài "Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của Tội phạm học" trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6/2007, tr. 73-79. Do đó, ở đây xin không nhắc lại.

Lịch sử và thực tế đã cho thấy, chỉ có thể phân biệt được rõ ràng giữa khoa học Luật Hình sự và Tội phạm học trong quan niệm về tội phạm và tình hình tội phạm khi biết vận dụng kiến thức của cả hai khoa học này một cách hệ thống và thu hút được tri thức của các khoa học nền tảng, cần thiết khác như triết học, ngôn ngữ học..., mà cụ thể ở đây muốn nhấn mạnh đến các nguyên tắc xây dựng thuật ngữ do các nhà ngôn ngữ học của nước ta đề ra để tiếp cận từng khái niệm/thuật ngữ. Và khi đó sẽ thấy ngay rằng, cái cách đi tìm trong tài liệu tội phạm học bằng tiếng Đức thuật ngữ "tình hình tội phạm" theo kiểu dịch nôm na là "Situation der Kriminalitaet" thì vĩnh viễn không bao giờ thấy. Bởi vì "tình hình tội phạm" là thuật ngữ tiếng Việt. Nó chỉ ứng với "Kriminalitaet" của tiếng Đức mà thôi, cũng giống như trường hợp Notwehr, Notstand là phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết trong Luật Hình sự. Tóm lại, tư duy nôm na như vậy không phải là tư duy khoa học. Cái mà Tội phạm học Việt Nam cần phải là sản phẩm của tư duy khái niệm.

2. Tiệm tiến được khái niệm tình hình tội phạm là một giải pháp cho sự bất nhất của các thuật ngữ xoay quanh nó

Chiều sâu thâm của những điều bức xúc về hiện trạng bất nhất trong việc sử dụng thuật ngữ tội phạm học còn có một phần quan trọng nằm ở ngay thói quen tư duy của bản thân mỗi nhà khoa học trên lĩnh vực pháp lý hình sự. Sở dĩ có thể nói như vậy là vì, ở nước ta cho đến nay chưa tạo ra được môi trường để một nhà khoa học chuyên tâm với tội phạm học, tức là từ làm luận văn, luận án trên lĩnh vực tội phạm học, rồi tiếp tục sau đó gắn bó, "chung thuỷ" với khoa học này. Vì thực tế công việc hoặc do nhu cầu cấp thiết mà nhiều tác giả phải "sang ngang" từ pháp luật hình sự (bao hàm cả Luật Hình sự, Tố tụng Hình sự và điều tra tội phạm) sang lại không có một bước quá độ cần thiết. Hiện trạng này rõ ràng không tôn trọng tính chuyên môn hoá và không tương xứng với sự "bứt phá" của tội phạm học từ cuối thế kỷ XIX khỏi khoa học hình sự để trở thành một khoa học độc lập. Tội phạm học tuy trẻ, nhưng cũng đã có hơn một trăm năm chuyên sâu mà người giảng về tội phạm học ở ta, đặc biệt là giảng cho sau đại học, đôi khi lại là người không chuyên sâu bằng một luận văn, luận án chuyên ngành tội phạm học hoặc một công trình nghiên cứu thực tế về tội phạm học, thì làm sao không tránh khỏi sự ngỡ ngàng và khác biệt.

Thế nhưng, cái khó lớn nhất cho sự phát triển tội phạm học hiện nay ở nước ta là phải vượt qua được thói quen tư duy của chính các nhà khoa học lớn trong lĩnh vực khoa học Luật Hình sự chẳng hạn, khi muốn "sang ngang". Trường hợp này cần được minh hoạ cụ thể như sau:

Nhà Luật Hình sự ở ta xưa nay vẫn giảng dạy rằng: "Tội phạm là hiện tượng xã hội có tính giai cấp và tính lịch sử... và trái pháp luật hình sự"[3], mà không hề nghĩ rằng, kiến thức đó là kiến thức tội phạm học vốn có trong "kho tàng" kiến thức của nhà Luật Hình sự. Khái niệm "Tội phạm" được dùng ở đoạn vừa trích dẫn không phải là khái niệm tội phạm trong Luật Hình sự. Bởi vì khoa học Luật Hình sự không nghiên cứu tội phạm với tính cách là hiện tượng. Và nay, khi tội phạm học đã "đăng đàn", nhà tội phạm học lại giải thích chính nội dung trên, nhưng bằng lời lẽ rằng: "Tình hình tội phạm là hiện tượng tâm - sinh lý - xã hội tiêu cực, mang tính lịch sử cụ thể và tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp...", thì nhà Luật Hình sự nghe không quen, và thậm chí phủ nhận. Thế nhưng, trong sâu thẳm của nhận thức luận, hai "Nhà" đang nói ở đây đều giảng giải về cùng một hiện tượng khách quan mà tội phạm học gọi là **TÌNH HÌNH TỘI PHẠM** - *"Kriminalitaet"*. Hiện tượng này cũng giống như bao hiện tượng khác của thế giới khách quan, khi hình thành và tồn tại trong xã hội, thì nó là một chỉnh thể, tức là bao giờ cũng có hai mặt: Mặt bản chất và mặt bộc lộ bản chất đó. Đây là thuộc tính

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 51.

phản ánh của thế giới vật chất. Dựa vào thuộc tính này và tiếp thu những kết quả đã nhận thức được của cả quá trình phát triển tội phạm học, tình hình tội phạm được định nghĩa ở thời điểm hiện nay như sau:

"Tình hình tội phạm là một hiện tượng tâm - sinh lý - xã hội tiêu cực, mang tính lịch sử cụ thể và tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp và được biểu hiện bằng tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra cùng các chủ thể thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định"[4].

Để làm rõ thêm định nghĩa nêu trên, xin giải thích vắn tắt như sau:

Thứ nhất, định nghĩa đã nêu là định nghĩa theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin;

Thứ hai, định nghĩa có hai phần rõ rệt và không tách rời nhau: Phần thứ nhất khẳng định bản chất của tình hình tội phạm. Đây là kết quả của lịch sử phát triển tội phạm học được nhìn nhận dưới góc độ của chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử; phần thứ hai chỉ rõ mặt biểu lộ ra bên ngoài của bản chất hiện tượng này;

Thứ ba, hai phần của định nghĩa có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau không chỉ trên cơ sở của lý thuyết phản ánh (Wiederspiegelungstheorie), mà còn có thể giải thích được trên cơ sở của khoa học luận, tức xem cái gì là khách thể nghiên cứu và cái gì là đối tượng nghiên cứu;

Thứ tư, định nghĩa còn bao hàm mối quan hệ biện chứng của cặp phạm trù chung - riêng theo đúng nghĩa triết học, tức là tình hình tội phạm, cái chung, chỉ có thể được biểu hiện thông qua những cái riêng là hành vi phạm tội, cái mà ***hạt nhân*** của nó chính là tội phạm theo đúng nghĩa của Điều 8 Bộ Luật Hình sự hiện hành.

2.1. Bản chất của tình hình tội phạm

Định nghĩa khái niệm tình hình tội phạm không thể bỏ qua việc chỉ rõ bản chất của nó, đặc biệt trong điều kiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Điều này cũng không mấy khó khăn vì lịch sử đã chỉ rõ và lịch sử cũng chỉ ra rằng, xoay quanh vấn đề bản chất của tình hình tội phạm là cả một quá trình tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện và tranh cãi xuyên thế kỷ mà kết quả của nó đã dẫn tới việc hình thành một khoa học mới - Tội phạm học vào cuối thế kỷ XIX (như đã nói) với các trường phái khác nhau. Các hệ quả phụ của quá trình tìm tòi và tranh cãi này còn xuất hiện tiếp tục ở thế kỷ XX Và XXI ở dạng những học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm. Ở đây xin lưu ý rằng, các học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm (Kriminalitaets-theorien) chứ không phải về tội phạm (của khoa học Luật Hình sự)[5]. Nghiên cứu các học thuyết khác nhau đó về tình hình tội phạm là việc làm cần thiết của tội phạm học Việt Nam để thu hút tri thức trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, chứ hoàn toàn không phải vì lời giải thích có phần giản đơn và máy móc rằng: Tội phạm học (Kriminologie) là học thuyết về tội phạm, nên phải nghiên cứu, giảng dạy các học thuyết này.

Tóm lại, lịch sử phát triển tội phạm học (Việt Nam và thế giới) cho đến nay đã cho phép tiệm tiến đến đỉnh điểm của nhận thức về tình hình tội phạm rằng, nó là một hiện tượng tâm-sinh lý-xã hội tiêu cực, mang tính lịch sử và pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp. Ba nội dung này gắn bó với nhau tạo thành mặt bản chất của tình hình tội phạm. Đó chính là những cơ sở lý luận để tiếp tục nhận thức, nghiên cứu và triển khai các hoạt động thực tiễn vì mục đích đấu tranh với tình hình tội phạm.

2.1.1. Bản chất tâm - sinh lý - xã hội của tình hình tội phạm

Dù ở các trình độ khác nhau, song bản chất này của tình hình tội phạm đã được trình bày ở các giáo trình tội phạm học và một số sách chuyên khảo. Vì thế, ở đây chỉ

---

[4] Phạm Văn Tỉnh. Khái niệm tội phạm học và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6/2007, tr. 77.

[5] Xem thêm: TSKH. PGS. Lê Cảm. Học thuyết về tội phạm - Những vấn đề nhập môn cơ bản, Tạp chí Kiểm sát, số 11/2008 và số 13/2008.

xin nói thêm rằng, đây là quan điểm Mác-xít, nói tới quy luật của sự phạm tội trong xã hội mà cơ chế vận hành của nó đã được minh họa tóm tắt bằng công thức (mô hình) S - X - R. Đây cũng chính là cơ sở lý luận để triển khai nghiên cứu, làm rõ vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, cũng như của hành vi phạm tội. Bởi vì quy luật của sự phạm tội chỉ có một. Song để triển khai nghiên cứu và hoạt động thực tiễn (giảng dạy) về vấn đề này, người ta hoàn toàn có thể tiếp cận bằng hai "bài" khác nhau: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, và nguyên nhân và điều kiện của hành vi phạm tội (chứ không phải của tội phạm cụ thể).

2.1.2. Bản chất lịch sử của tình hình tội phạm

Đây cũng là một quan điểm Mác-xít, xem hành vi phạm tội và tình hình tội phạm là cặp phạm trù không tách rời nhau về không gian và thời gian, phản ánh quy luật phát sinh, vận động và tiêu vong của tình hình tội phạm trong xã hội loài người. Nó chính là cơ sở lý luận cho việc định hình một chiến lược đấu tranh với tình hình tội phạm trên toàn thế giới và ở từng quốc gia mà trong đó có hạt nhân là phòng ngừa tội phạm với hai hệ thống các biện pháp ngăn chặn và loại trừ tội phạm[6]. Quy luật này bao trùm cả quy luật của sự phạm tội đã nêu ở trên và tạo thành động lực cho việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự ở mỗi quốc gia, ở từng thời điểm lịch sử nhất định.

2.1.3. Thuộc tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp

Nói "thuộc tính" để nhấn mạnh tính khách quan và vốn có của tình hình tội phạm. Thế nhưng, thuộc tính pháp lý hình sự thì không thể thoát khỏi yếu tố chủ quan, tức là ý chí của con người. Ý chí đó đã được thừa nhận chung, đã được quốc tế hóa từ những nguyên tắc mà Ancelm Feuerbach đề xướng từ thế kỷ XIX: Nullum crimen sine lege và Nulla poena sine lege. Những nội dung này thuộc nguyên tắc pháp chế đã và đang được áp dụng và tôn trọng ở nước ta. Nó khẳng định vai trò của pháp luật hình sự: Không có luật thì không có tội phạm, không có luật thì không có hình phạt.

Như vậy, theo nguyên tắc này, phàm những gì thuộc về tình hình tội phạm thì không thể không có luật quy định. Mà đã là luật, thì dù có khách quan đến đâu, dù có phù hợp với logic của sự vật đến mức độ nào, cũng là ý chí của con người, trong đó, ý chí của lực lượng lãnh đạo xã hội, tức là giai cấp lãnh đạo, giữ vai trò hạt nhân.

Tóm lại, thuộc tính pháp lý hình sự của tình hình tội phạm khẳng định rằng, tình hình tội phạm chỉ có thể tiệm tiến đến **TÌNH HÌNH TỘI DANH** với hạt nhân là cơ số tội danh, chứ không được phép vượt ra ngoài. Còn tình hình tội danh thì luôn luôn có xu hướng vận động tiệm tiến đến tình hình các hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ tội phạm trong thực tế[7]. Thuộc tính này còn là cơ sở lý luận để tiến hành thống kê tội phạm và tìm kiếm, thu thập những số liệu phản ánh về mặt lượng của tình hình tội phạm.

2.2. Mặt bộc lộ ra bên ngoài của tình hình tội phạm - mặt nhận thức của tình hình tội phạm

Đây là phần thứ hai của định nghĩa tình hình tội phạm, phần phải trả lời câu hỏi "Dựa vào đâu người ta có thể nhận thức được tình hình tội phạm đúng với bản chất của nó?". Câu trả lời, như đã nói, là dựa vào "Tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra cùng các chủ thể thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị hành chính - lãnh thổ nhất định, trong một đơn vị thời gian nhất định". Không làm rõ được cái "Tổng thể" này, người ta không thể nhận thức được tình hình tội phạm. Bởi vì tình hình tội phạm là một phạm trù trừu tượng, phạm trù đánh giá. Và ngay cách đặt vấn đề như vậy cũng là của ngày hôm nay, tức là mang tính kế thừa, chứ không phải đi

[6] Xem thêm: Phạm Văn Tĩnh, Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4/2009, tr. 57-64.

[7] Xem thêm: Phạm Văn Tĩnh, Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6/2007, tr. 75.

từ con số không và càng không thể phủ định sạch trơn những gì các thế hệ trước (cả tây và ta) đã để lại. Về mặt phương pháp, thì đây chính là mặt biểu hiện cụ thể của phương pháp diễn dịch. Bởi vì lịch sử phát triển tội phạm học trên một trăm năm đã cho thế hệ hôm nay biết rõ về bản chất của tình hình tội phạm với ba nội dung như đã trình bày và cũng cho biết cả phương pháp tìm ra bản chất của hiện tượng này bằng cách nghiên cứu mặt nhận thức của nó, tức là thông qua tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra...

Vấn đề tiếp theo hiện nay là mỗi quốc gia "đối xử" với tổng thể như thế nào, tổ chức thống kê tội phạm ra sao, mức độ công khai đến đâu và việc nghiên cứu, đánh giá cái tổng thể đó chi tiết, chính xác đến mức độ nào. Tất cả những việc đó đều thuộc mặt triển khai thực tiễn phục vụ cho việc nhận thức, đánh giá thực trạng của tình hình tội phạm ở từng thời điểm cần thiết.

Để có thể đánh giá được **THỰC TRẠNG** của tình hình tội phạm (thực trạng bao giờ cũng chỉ là nhiệm vụ, là yêu cầu được xã hội đặt ra cho các nhà nghiên cứu, chứ nó không bao giờ là một thuật ngữ tội phạm học như có tác giả lầm tưởng), tội phạm học cũng đã chỉ dẫn rằng, phải làm rõ được đặc điểm định lượng và định tính của tình hình tội phạm, tức là phải có đủ số liệu thực tế để mô tả được các thông số sau đây của tình hình tội phạm:

- Mức độ của tình hình tội phạm (chứ không phải thực trạng);
- Cơ cấu của tình hình tội phạm;
- Động thái hay diễn biến của tình hình tội phạm;
- Tính chất của tình hình tội phạm.

Cả bốn thông số này đã được nhiều tài liệu đề cập và chúng được hiểu có tính chất quy ước hoặc tương đối rằng, mức độ và diễn biến của tình hình tội phạm thì cho biết về đặc điểm định lượng của tình hình tội phạm, còn cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm thì cho biết về đặc điểm định tính của hiện tượng này.

Khi nghiên cứu thực tế đặc điểm định lượng của tình hình tội phạm thì một vấn đề tất yếu nảy sinh. Đó là vấn đề tội phạm ẩn. Đây là loại tội phạm chỉ nói về trạng thái. Và ngày nay nó đã được xem như một phần không thể thiếu được của tình hình tội phạm trong thực tế, tức là khi đánh giá thực trạng của tình hình tội phạm thì không thể bỏ qua được **phần ẩn** của tình hình tội phạm, phần đối trọng với phần còn lại, tức là **phần hiện** của tình hình tội phạm mà ban đầu chúng tôi đã từng gọi là phần rõ của tình hình tội phạm (năm 1994).

(Tiếp theo trang 60 – Sự thể hiện của nguyên tắc ...)

Với những hạn chế của BLTTHS hiện hành nêu trên, quan điểm của chúng tôi là xoá bỏ chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của toà án quy định tại Điều 179 BLTTHS hiện hành để đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS. Thay vào đó, cho phép tại giai đoạn xét xử, viện kiểm sát với tư cách là cơ quan buộc tội, có quyền bổ sung chứng cứ nếu cơ quan này tự thấy việc chứng minh lỗi của bị can, bị cáo chưa đầy đủ. Nếu hồ sơ vụ án đã chuyển sang toà án mà viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm buộc tội thì cho dù có thấy những thiếu sót về chứng cứ toà án vẫn tiến hành xét xử và tuyên bị cáo không phạm tội với lý do, bên buộc tội không chứng minh được hoặc chứng minh không đúng pháp luật lỗi của bị cáo. Nếu sau đó, viện kiểm sát thấy cần buộc tội lại thì đó là câu chuyện của vụ án khác. Có như vậy mới đề cao trách nhiệm chứng minh lỗi của người bị buộc tội của viện kiểm sát cũng như trả toà án về với đúng chức năng của nó là cơ quan xét xử chứ không phải cơ quan buộc tội và phán quyết của toà án mới đảm bảo khách quan, không định kiến.